

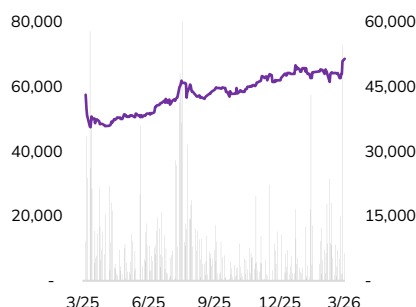
Phạm Hồng Trường

Email: truong.phamhong@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Bất động sản
Ngày báo cáo	: 30/03/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 50.800
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 1.395
SLCPLH (CP)	: 27.344.540

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	-2,3%	7,2%
Tăng trưởng LNST (%)	-35,0%	112,2%
Biên LNG (%)	38,9%	41,3%
Biên LNST (%)	18,0%	35,7%
ROA (%)	5,5%	7,2%
ROE (%)	16,7%	21,4%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,33	0,31
EPS (VND/CP)	765	1.624
BVPS (VND/CP)	21.693	23.441

Nguồn: SZL, ABS Research

Hoạt động cho thuê nhà xưởng tăng trưởng tích cực

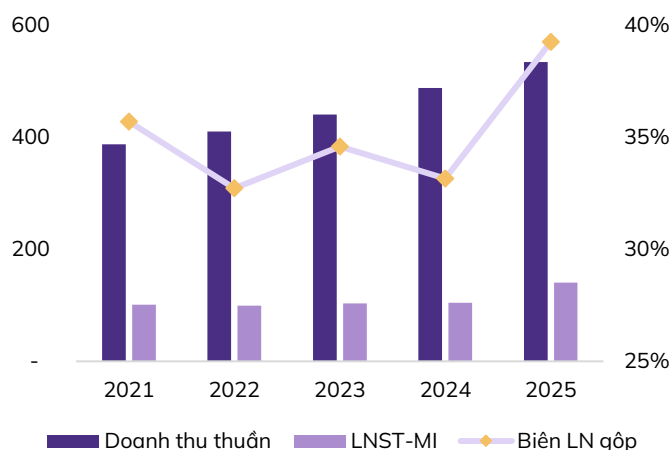
- Lợi nhuận Q4/2025 tăng mạnh nhờ thu nhập từ cổ tức.**
 - Q4/2025, doanh thu thuần của SZL đạt 132 tỷ đồng (+7% svck và -2% QoQ). Doanh thu trong quý tăng svck chủ yếu được đóng góp bởi sự tích cực của mảng cho thuê nhà xưởng khi ghi nhận doanh thu 64 tỷ đồng (+21% svck). Biên lợi nhuận gộp của doanh nghiệp cũng cải thiện tích cực lên mức 41,3% (tăng 2,4 điểm % svck và tăng 3,4 điểm % QoQ). Lãi gộp trong quý ở mức 55 tỷ đồng (+14% svck và +6% QoQ).
 - Doanh thu tài chính tăng mạnh trong Q4/2025, đạt 19 tỷ đồng (gấp hơn 5 lần svck), phần lớn đến từ khoản cổ tức được nhận.
 - Theo đó, LNST cổ đông Công ty mẹ Q4/2025 đạt 47 tỷ đồng (gấp 2 lần svck và +44% QoQ).
- KQKD năm 2025 tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ.**
 - Doanh thu năm 2025 đạt 535 tỷ đồng (+10% svck), LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 141 tỷ đồng (+35% svck), tăng mạnh sau giai đoạn 2016-2024 đi ngang. Theo đó, SZL đã hoàn thành 100% kế hoạch doanh thu và vượt 35% kế hoạch lợi nhuận cả năm.
 - Doanh thu tăng mạnh nhờ mảng BĐS KCN. Doanh thu năm 2025 của SZL tăng mạnh chủ yếu đến từ sự tích cực của mảng cho thuê nhà xưởng KCN, tập trung tại 2 KCN Long Thành (Đồng Nai) và KCN Châu Đức (TP.HCM, Bà Rịa – Vũng Tàu cũ). Doanh thu cho thuê nhà xưởng đạt 243 tỷ đồng (+20% svck), chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của doanh nghiệp (45%). Ngoài ra, doanh thu cho thuê đất KCN cũng tăng lên mức 81 tỷ đồng (+13% svck). Trong bối cảnh thị trường BĐS KCN có phần ảm đạm do ảnh hưởng của thuế đối ứng từ Mỹ khiến tâm lý các nhà đầu tư trở nên không chắc chắn, chiến lược tập trung cho thuê nhà xưởng của SZL mang lại hiệu quả khi thời gian thuê nhà xưởng ngắn hơn, linh hoạt trong việc lựa chọn vị trí dự án đầu tư và phát sinh ít vốn đầu tư ban đầu hơn việc thuê đất. Các mảng kinh doanh khác của SZL như kinh doanh nước (trong KCN), xử lý nước thải, kinh doanh xăng dầu, BĐS dân dụng đi ngang so với năm 2024.
 - Biên lợi nhuận gộp tăng tích cực đạt 39,3% (tăng 6,1 điểm % so với năm 2024) khi giá cho thuê nhà xưởng tăng trong năm (+5-7% theo Savill), cũng như tỷ trọng đóng góp trong cơ cấu doanh thu tăng lên. Lợi nhuận gộp năm 2025 đạt 210 tỷ đồng (+30% svck).
 - Doanh thu tài chính tăng lên 28 tỷ đồng (+15% svck), chủ yếu nhờ khoản cổ tức được nhận tăng svck (tập trung cổ tức từ các công ty trong hệ sinh thái như SZC, SZB).
 - Chi phí QLDN cũng tăng mạnh lên 60 tỷ đồng (+33% svck) chủ yếu do chi phí lương nhân viên bên cạnh dịch vụ mua ngoài tăng.

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 VÀ NĂM 2025

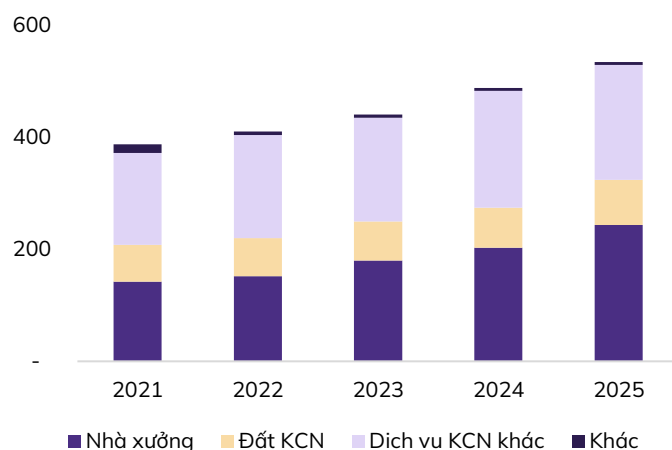
Chỉ tiêu	4Q2024	4Q2025	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	124	132	7,2%	488	535	9,5%
Lợi nhuận gộp	48	55	13,7%	162	210	29,7%
Biên LN gộp (%)	38,9%	41,3%		33,2%	39,3%	
Chi phí BH & QLDN	(15,1)	(20,5)	36,3%	(49)	(65)	31,4%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT (%)	12,2%	15,5%		10,1%	12,1%	
Doanh thu tài chính	3,6	19,2	432,0%	24,8	28,4	14,6%
Chi phí tài chính	(1)	(1)	57,7%	(4)	(4,1)	3,9%
Chi phí lãi vay	(1)	(1)	57,6%	(4)	(4)	3,9%
Thu nhập tài chính (ròng)	2,8	17,9	543,1%	20,9	24,3	16,6%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	35,8	52,1	45,4%	134	170	27,0%
Lợi nhuận trước thuế	27,6	54,9	98,4%	126	171	35,3%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	22,3	47,3	112%	105	141	34,5%
Biên LN ròng (%)	18,0%	35,7%		21,4%	26,3%	

Nguồn: SZL, ABS Research

KQKD giai đoạn 2022 – 2025 (tỷ VND)

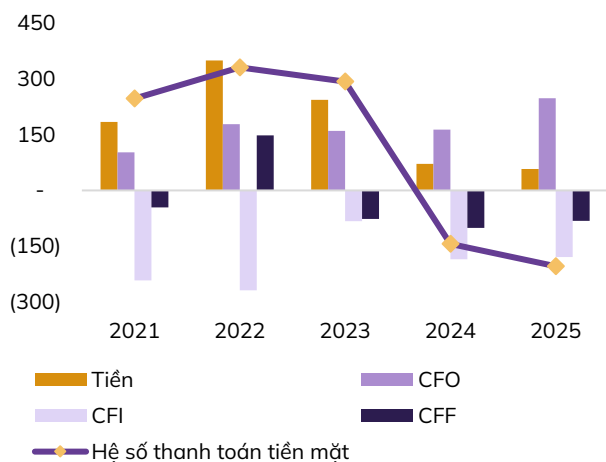


Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2022 – 2025 (tỷ VND)

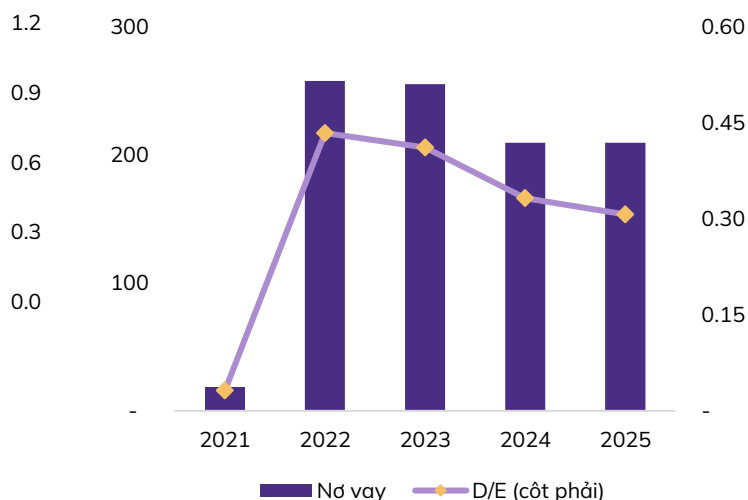


Nguồn: SZL, ABS Research

Dòng tiền giai đoạn 2021 – 2025 (tỷ VND)



Tình hình nợ vay giai đoạn 2021 – 2025 (tỷ VND)



Nguồn: SZL, ABS Research

Tình hình phát triển các dự án của SZL

STT	Dự án	Vị trí	Diện tích (ha)	Thông tin
BĐS công nghiệp				
1	KCN Long Thành	Đồng Nai	322	KCN Long Thành đến nay đã thu hút hơn 113 khách hàng, với tổng vốn đầu tư đạt hơn 1,4 tỷ USD. Trong đó có 73 khách hàng thuê đất và 40 khách hàng thuê nhà xưởng với diện tích 292,83ha, tương đương 91%.
2	Nhà xưởng KCN Châu Đức	BR-VT (cũ)	26	Số lượng nhà xưởng cho thuê là 100 nhà xưởng, đang tiến hành cho thuê
3	Cụm CN Long Phước	Đồng Nai	48	Đang phát triển, đã được khởi công trong tháng 2/2026, dự kiến có thể cho thuê từ tháng 04/2027
BĐS dân dụng				
1	KDC Tam An	Đồng Nai	36	KDC Tam An được quy hoạch và triển khai song song và kế bên KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Dự án đã được phê duyệt quy hoạch điều chỉnh 1/500 trong tháng 6/2025 và đang được thực hiện thủ tục pháp lý để có thể mở bán trong thời gian tới
2	KDC Trảng Bom	Đồng Nai	2	Dự án tại Trảng Bom, Đồng Nai và đã hoàn tất chuyển nhượng cho khách hàng và bàn giao hạ tầng KDC cho địa phương quản lý.
3	KDC An Bình	Đồng Nai	8	Dự án tại Biên Hòa, Đồng Nai và đã hoàn tất chuyển nhượng cho khách hàng và bàn giao hạ tầng KDC cho địa phương quản lý.
4	KDC Phước Lai	Đồng Nai	1	Dự án tại Biên Hòa, Đồng Nai và đã hoàn tất chuyển nhượng cho khách hàng và bàn giao hạ tầng KDC cho địa phương quản lý.
5	KDC An Hòa	Đồng Nai	4	Dự án tại Biên Hòa, Đồng Nai và đã hoàn tất chuyển nhượng cho khách hàng và bàn giao hạ tầng KDC cho địa phương quản lý.

Nguồn: SZL, ABS Research

- Về cơ cấu tài sản:** tại 31/12/2025, tài sản ngắn hạn chiếm 12% tổng tài sản tương đương 237 tỷ đồng, còn tài sản dài hạn 1,79 nghìn tỷ đồng (tương đương 88% tổng tài sản).
 - Chi phí XDCBDD** có giá trị 377 tỷ đồng (chiếm 19% TTS), tăng 20% so với cuối năm 2024. Đây là giá trị tại các dự án BĐS của doanh nghiệp như: (i) Cụm công nghiệp Long Phước 296 tỷ đồng (tăng mạnh 38 tỷ đồng trong năm 2025), (ii) KCN Châu Đức 61 tỷ đồng (tăng 56 tỷ đồng trong năm 2025), (iii) KDC Tam An 14 tỷ đồng (tăng 4 tỷ trong năm 2025), (iv) Giá trị nhà xưởng cho thuê 4 tỷ đồng (giảm mạnh từ 35 tỷ đồng đầu năm 2025 do số lượng nhà xưởng hoàn thành cho thuê lớn trong năm), ...
 - BĐS đầu tư** có giá trị 525 tỷ đồng (chiếm 26% TTS), tăng 5% so với cuối năm 2024, chủ yếu là giá trị của nhà xưởng cho thuê của SZL.
 - Các khoản đầu tư công ty trong tập đoàn** có giá trị 398 tỷ đồng (chiếm 20% TTS), bao gồm các khoản đầu tư vào: (i) Sonadezi An Bình 24,5 tỷ đồng (sở hữu 22,49%), (ii) Sonadezi Bình Thuận 80 tỷ đồng (sở hữu 20%), (iii) Sonadezi Châu Đức – SZC 221,8 tỷ đồng (sở hữu 10,08%), (iv) Sonadezi Long Bình - SZB 63 tỷ đồng (sở hữu 8,4%), (v) Dịch vụ Sonadezi 8,75 tỷ đồng (sở hữu 5%).
 - Trả trước dài hạn** có giá trị 283 tỷ đồng (chiếm 14% TTS), tăng 35% so với cuối năm 2024, phần lớn là tiền thuê đất trả trước tại các KCN của SZL như KCN Châu Đức 148 tỷ đồng, kinh doanh đất (dân cư) 46 tỷ đồng, đền bù đất KCN Long Thành 14 tỷ đồng. Ngoài ra, đáng chú ý trong năm 2025 tăng mạnh từ trả trước tiền thuê đất KCN Tân Đức (Long An) 71 tỷ đồng (dự án do Sonadezi Bình Thuận đang phát triển).
 - Lượng tiền** cuối năm 2025 ở mức 58 tỷ đồng (chiếm 3% TTS và giảm -19% so với cuối năm 2024). Dòng tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh (CFO) thường xuyên ở mức dương nhờ hoạt động kinh doanh ổn định. Mặc dù dòng tiền khá ổn định nhưng lượng tiền của SZL ở mức thấp do doanh nghiệp hoạt động trong hệ sinh thái Sonadezi, dòng tiền được luân chuyển giữa các doanh nghiệp trong nhóm để phục vụ hoạt động kinh doanh của cả tập đoàn. Hệ số thanh toán tiền mặt cuối năm 2025 ở mức 0,15 lần (giảm so với 0,25 lần cuối năm 2024 và 0,95 lần cuối năm 2023). Lượng tiền trong 2 năm gần đây của SZL ở mức thấp.

- **Về cơ cấu nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2025:** nợ phải trả chiếm 66% tổng tài sản với giá trị 1,3 nghìn tỷ đồng.
 - **Nợ vay tiếp tục ở mức thấp** khi cuối năm 2025 ở mức 210 tỷ đồng (đi ngang so với cuối năm 2024, chiếm 10% TTS), vay ngắn hạn là 73 tỷ đồng còn vay dài hạn 136 tỷ đồng. Hệ số D/E cuối năm 2025 ở mức 0,31 lần (giảm nhẹ so với cuối năm 2024 ở mức 0,33 lần).
 - **Doanh thu chưa thực hiện chiếm phần lớn nợ phải trả.** Giá trị doanh thu chưa thực hiện cuối năm 2025 ở mức 650 tỷ đồng (chiếm 32% tổng tài sản), giảm 7% so với cuối năm 2024. Đây là giá trị doanh số cho thuê đất KCN được phân bổ hàng năm trong 50 năm của doanh nghiệp.
 - **Chuẩn bị bán cổ phiếu quỹ.** Ngày 13/03, HĐQT CTCP Sonadezi Long Thành ra Nghị quyết thông qua việc bán toàn bộ hơn 1,77 triệu cp quỹ với giá tối thiểu 45.000 đồng/cp, ước tính thu về không dưới 79 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Giao dịch bán cổ phiếu quỹ sẽ được SZL thực hiện trong giai đoạn 26/03-24/04, thông qua phương thức thỏa thuận và khớp lệnh trên sàn HOSE. Tính đến thời điểm hiện tại, SZL đã phát hành hơn 29,1 triệu cp, tuy nhiên với hơn 1,77 triệu cp quỹ, khối lượng lưu hành thực tế chỉ hơn 27,3 triệu cp. Trước đó, vào tháng 10/2023, Công ty từng triển khai bán toàn bộ cổ phiếu quỹ nhưng chỉ giao dịch được một lượng nhỏ, phần còn lại tiếp tục được nắm giữ cho đến nay.
- **Chúng tôi nhận định triển vọng của SZL dựa trên các yếu tố:**
 - **Mảng cho thuê đất KCN tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh ổn định.** SZL ghi nhận doanh thu cho thuê đất KCN theo phương thức phân bổ hàng năm trong 50 năm, theo đó giúp đảm bảo nguồn doanh thu hàng năm cho doanh nghiệp. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng chủ động trong việc phát triển các KCN mới như KCN Tân Đức hay Cụm CN Long Phước để bổ sung doanh số cho thuê đất KCN trong tương lai.
 - **Mảng cho thuê nhà xưởng dự kiến tiếp tục tích cực.** Mảng cho thuê nhà xưởng của doanh nghiệp tích cực trong năm 2025 trước những biến động của thuế quan. Dự kiến trong năm 2026, doanh thu cho thuê nhà xưởng của SZL tiếp tục tích cực từ quỹ đất dồi dào (của SZL và các doanh nghiệp trong hệ sinh thái Sonadezi) và nằm ở những vị trí thuận lợi như gần Sân bay Quốc tế Long Thành (dự kiến đi vào hoạt động từ giữa năm 2026), gần cảng nước sâu tại Vũng Tàu, ... Ngoài ra xu hướng gia tăng vào việc thuê nhà xưởng với nhiều sự linh hoạt hơn của các nhà đầu tư nước ngoài trong bối cảnh biến động địa chính trị toàn cầu và các chính sách thuế của Tổng thống Trump cũng sẽ là yếu tố hỗ trợ doanh thu cho thuê nhà xưởng của doanh nghiệp.
 - **Quỹ đất lớn ở Đồng Nai có thể mang lại những hiệu ứng tích cực.** Gần đây, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đồng ý chủ trương lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương, giao hoàn thiện hồ sơ để trình Quốc hội khóa 16 xem xét, quyết định tại kỳ họp đầu tháng 4. Thông tin này trong ngắn hạn sẽ mang lại những hiệu ứng tích cực cho nhóm doanh nghiệp BĐS và hạ tầng tại khu vực Đồng Nai. SZL tập trung nhiều dự án tại khu vực Đồng Nai, bao gồm cả đất công nghiệp và đất dân cư, theo đó sẽ mang lại những tín hiệu tích cực cho doanh nghiệp để thúc đẩy doanh số bán hàng trong tương lai.
 - **Tình hình tài chính tương đối an toàn, tỷ lệ sở hữu cô đặc, hoạt động trong hệ sinh thái tập đoàn.** SZL có tình hình tài chính tương đối an toàn với tỷ lệ nợ vay thấp, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh ổn định. Tuy nhiên, doanh nghiệp hoạt động trong hệ sinh thái Sonadezi với tỷ lệ sở hữu chéo cao, công ty mẹ SNZ sở hữu hơn 52% tại SZL và các cổ đông lớn nắm giữ hơn 75%. Dòng tiền của doanh nghiệp sẽ được quay vòng phục vụ trong hoạt động của tập đoàn.
- ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của SZL đạt 152 tỷ đồng (+8% svck). 2026F EPS và BVPS ở mức 5.221 đ/cp và 28.215 đ/cp. ROE dự kiến là 20,2%.

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA SZL

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	410	441	488	535
Giá vốn hàng bán	(276)	(289)	(326)	(325)
Lợi nhuận gộp	134	153	162	210
Doanh thu tài chính	31	25	25	28
Chi phí tài chính	(1)	(3)	(4)	(4)
Chi phí bán hàng	(3)	(4)	(4)	(5)
Chi phí QLDN	(44)	(46)	(45)	(60)
Lợi nhuận từ HĐKD	118	125	134	170
Lãi/lỗ khác	1	3	(7)	1
Lợi nhuận trước thuế	119	128	126	171
Lợi nhuận sau thuế	99	104	105	141
LNST cổ đông Công ty mẹ	99	104	105	141

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	178	160	164	248
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(269)	(82)	(185)	(180)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	148	(77)	(101)	(82)
LCT thuần trong kỳ	58	1	(122)	(14)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	114	172	174	51
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	172	174	51	38

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	2,92	2,32	1,35	0,97
Khả năng thanh toán nhanh	1,36	1,25	0,63	0,33
Khả năng thanh toán tiền mặt	1,01	0,95	0,25	0,15
Khả năng thanh toán lãi vay	128,42	36,59	28,84	35,79
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,30	0,32	0,33	0,34
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,70	0,68	0,67	0,66
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,43	0,41	0,33	0,31

Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	26,14	18,99	16,59	16,31
Số ngày phải trả	61,91	66,00	30,08	30,45
Số ngày tồn kho	102,49	122,61	130,61	131,96
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	32,7%	34,6%	33,2%	39,3%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	28,7%	28,3%	27,4%	31,7%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	24,2%	23,5%	21,4%	26,3%
ROE	16,7%	17,1%	16,7%	21,4%
ROA	5,4%	5,3%	5,5%	7,2%
ROIC	12,3%	12,0%	12,5%	14,6%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	172	174	51	38
+ Đầu tư ngắn hạn	177	70	20	20
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	60	54	79	42
+ Hàng tồn kho	78	116	117	118
+ Tài sản ngắn hạn khác	11	10	10	20
Tài sản ngắn hạn	498	424	278	237
+ Các khoản phải thu dài hạn	4	4	4	4
+ Tài sản cố định	224	202	186	193
+ Bất động sản đầu tư	364	502	498	525
+ Tài sản dở dang dài hạn	385	297	315	377
+ Đầu tư dài hạn	271	271	392	398
+ Tài sản dài hạn khác	223	217	213	294
Tài sản dài hạn	1.471	1.492	1.608	1.791

Tổng Tài sản	1.968	1.916	1.886	2.028
+ Vay ngắn hạn	20	79	79	73
+ Phải trả người bán	69	35	19	36
+ Nợ ngắn hạn khác	81	69	108	136
Nợ ngắn hạn	171	183	205	245
+ Vay dài hạn	238	176	131	136
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	966	936	920	964
Nợ dài hạn	1.204	1.112	1.051	1.101
Tổng nợ phải trả	1.374	1.295	1.256	1.346
+ Vốn cổ phần	200	291	291	291
+ Thặng dư vốn cổ phần	4	5	5	5
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	257	272	271	313
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	594	621	630	682
Tổng cộng nguồn vốn	1.968	1.916	1.886	2.028

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	5,8%	7,5%	10,7%	9,5%
Tăng trưởng LNTT	-3,7%	7,7%	-1,3%	35,3%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	-3,0%	13,6%	6,1%	29,7%
Tăng trưởng EPS	-0,4%	-24,0%	0,9%	34,5%
Tăng trưởng VCSH	0,2%	4,5%	1,5%	8,3%
Tăng trưởng Tổng tài sản	16,5%	-2,7%	-1,5%	7,5%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	8,33	11,61	13,50	9,99
P/B	1,31	1,94	2,24	2,06
EV/EBITDA	5,84	7,46	8,29	6,95
EV/Sales	2,11	2,91	3,22	2,95
EPS (đồng/cp)	4.682	3.558	3.592	4.832
BVPS (đồng/cp)	29.691	21.316	21.642	23.441

Nguồn: SZL, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA

Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên

KHẢ QUAN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%

TRUNG LẬP

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%

KÉM KHẢ QUAN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%

BÁN

Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây